

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022.

V/v “Tranh chấp về ly hôn; nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ;

2. Ông Trần Thành Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: Tổ 3, ấp VL, xã VN, CT, An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: Tổ 3, ấp VL, xã VN, CT, An Giang.

Tạm trú: Tổ 01, ấp 3, xã Thới H, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang ngày 19/12/2016.

Sau khi đám cưới anh và chị L lên tỉnh Long An làm công nhân sinh sống. Anh chị chung sống êm ấm được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó ly thân được 06 tháng, do con còn nhỏ nên anh chị đã hàn gắn tình cảm và chung sống lại với nhau để cùng chăm sóc con chung. Đến năm 2020 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa anh chị luôn bất hòa, không còn tôn trọng và tin tưởng nhau, gia đình không êm ấm, sống không hạnh phúc và không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Do vậy, anh và chị L đã ly thân nhau từ đó đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Giữa anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Hữu D, sinh ngày 06/9/2014. Hiện cháu D đang sống với chị L, sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L:* Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng chị L đều vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị L có gửi Bản tự khai nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh Th, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất về điều kiện kết hôn và nguyên nhân dẫn đến tình trạng ly hôn như anh Th trình bày.

- Về con chung: Thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Hữu D, sinh ngày 06/9/2014. Hiện cháu D đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Hữu Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị L do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại ấp VL, xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Th có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/3/2022; bị đơn chị L có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/3/2022, các đơn đều phù hợp theo quy định nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Anh Th và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, theo anh Th nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không còn tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, cuộc sống chung không phù hợp nên đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nay anh Th kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị L.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh Th và chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ chị L nhiều lần nhằm tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị đều không đến. Tuy nhiên, chị có gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh Th là thống nhất về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như anh Th trình bày, cuộc sống chung không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không còn quan tâm lẫn nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2020 đến nay, chị L có biết việc anh Th gửi Đơn ly hôn ở Tòa án nhưng do phải đi làm nên không đến Tòa án theo Thông báo được và xin xét xử vắng mặt.

Từ những nội dung nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa anh Th và chị L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai vì thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay và trong thời gian ly thân cả hai không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Th là được ly hôn với chị L.

2.2 Về con chung, cấp dưỡng: Giữa anh Th và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Hữu D, sinh ngày 06/9/2014, tại các bản tự khai của anh chị đều thừa nhận hiện cháu D đang sống với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng

con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th cũng chấp nhận giao cháu D cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, theo Bản tự khai có trong hồ sơ thể hiện ý kiến của cháu Nguyễn Hữu D là cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của anh Th và chị L, giao con chung là cháu D cho Luyến được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị L phải tạo điều kiện cho anh Th trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị L có yêu cầu anh Nguyễn Hữu Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” và mức tối thiểu không dưới 50% mức lương cơ bản. Phía anh Th cũng có văn bản thể hiện đồng ý việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu D trưởng thành. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L là buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định. Xét thấy, hiện tại anh Th đang làm công nhân tại Long An, căn cứ vào nghề nghiệp và điều kiện kinh tế của anh Th thì mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng là phù hợp theo quy định tại các Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên khi điều kiện kinh tế thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Th và chị L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Hữu Th có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do anh Nguyễn Hữu Th có yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị L nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu Th là được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:

Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 06/9/2014 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hữu Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị L mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*); Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 01/6/2022 đến khi cháu Nguyễn Hữu D trưởng thành.

+ Chị Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hữu Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ; đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0002963 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, An Giang; Được khấu trừ nên anh Nguyễn Hữu Th phải tiếp tục nộp thêm số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

5. Anh Nguyễn Hữu Th và chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.CT;
- Chi cục THADS.CT;
- UBND xã VN;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Hiệp

Nguyễn Thị Ngọc Thơ

Hà Thị Mỹ Linh

